TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2024/HS-PT
Ngày 26 tháng 3 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đức Thọ.

Các thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn.

Ông Phạm Trí Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiển - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 888/2023/TLPT-HS ngày 01 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Đình D và các bị cáo khác do có kháng cáo của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2023/HS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Các bị cáo bị kháng cáo:

1. Bị cáo Nguyễn Đình D (tên gọi khác: DV) sinh năm 1993 tại Bình Phước. Nơi cư trú có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Khu phố 7, thị trấn TK, huyện HQ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình T và bà Đỗ Thị T; có vợ là bà Bùi Thị Ngọc Y (đã ly hôn) và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2012, lớn nhất sinh năm 2022; có 01 tiền án: Bị xử phạt 07 năm tù về tội cướp tài sản theo Bản án số 86/2015/HSST ngày 14/8/2015 của Toà án nhân dân huyện CT, tỉnh Bình Phước; tiền sự: Không; nhân thân: Bị xử phạt hành chính về hành vi dùng vũ lực để giao cấu trái ý muốn người khác theo Quyết định xử phạt hành chính số 97/QĐ-XPHC ngày 31/7/2014 của Công an huyện HQ, tỉnh Bình Phước; bị tạm giữ, tạm giam ngày 31/8/2022 cho đến nay, có mặt.

2. Bị cáo Nguyễn Thị L(tên gọi khác: U), sinh năm 1991 tại Bình Phước. Nơi cư trú và có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 5, khu phố 6, thị trấn TK, huyện HQ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa : 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tất Đ và bà Nguyễn Thị B; có chồng là ông Trần Công Trường G (đã ly hôn) và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; được tại ngoại, có mặt.

3. Bị cáo Nguyễn Tiến C, sinh năm 1988 tại Đà Nẵng. Nơi có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Ấp TT 2, xã LT, huyện LN, tỉnh Bình Phước; chỗ ở: Tổ 1, khu phố 6, thị trấn TK, huyện HQ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến D và bà Lê Thị L; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị xử phạt 07 năm tù về tội cố ý gây thương tích theo Bản án số 04/2013/HSST ngày 29/01/2013 của Toà án nhân dân huyện LN, tỉnh Bình Phước; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/10/2022 cho đến nay, có mặt.

4. Bị cáo Lê Quang A, sinh năm 1998 tại Bình Phước. Nơi cư trú và có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 5, khu phố 2, thị trấn TK, huyện HQ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hữu Q và bà Cao Thị T; có vợ là bà Nguyễn Thị H và 05 người con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/8/2022 cho đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:*

1. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình D: Ông Nguyễn Trần K, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước, có mặt.

2. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tiến C: Ông Ngô Quốc C, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước, có mặt.

3. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị L: Ông Trần Hòa A, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước, có mặt.

4. Người bào chữa cho bị cáo Lê Quang A: Ông Nguyễn Minh Đ, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước, có mặt.

- *Người bị hại có kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1988, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Bích V: Ông Nguyễn Bá H, sinh năm 1985, có mặt.

Cùng địa chỉ: Số 9C đường NTL, Phường 7, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Văn phòng Công chứng LHL.

Địa chỉ: Khu phố NT, thị trấn LN, huyện LN, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo pháp luật Văn phòng Công chứng LHL: Ông LHL - Trưởng Văn phòng.

Người đại diện theo ủy quyền Văn phòng Công chứng LHL: Ông Võ Chí C, sinh năm 1999, có mặt.

Địa chỉ: Thôn TL, xã PN, huyện BGM, tỉnh Bình Phước

2. Ông Trà Thanh K, sinh năm 1987, xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn KK, xã PN, huyện BGM, tỉnh Bình Phước.

3. Ông Trần Gia T, sinh năm 1957, xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố 5, phường LP, thị xã PL, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Đình D sinh sống với bị cáo Nguyễn Thị L như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Khoảng cuối năm 2021, do nợ tiền của nhiều người nên bị cáo Nguyễn Đình D nảy sinh và nói cho bị cáo Nguyễn Thị L nghe về ý định lấy trộm tài sản và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) của người khác đem đi thế chấp vay tiền để trả nợ. Ngày 13/01/2022, bị cáo Nguyễn Đình D điện thoại rủ bị cáo Lê Quang A đi trộm cắp tài sản thì bị cáo Lê Quang A đồng ý. Bị cáo Nguyễn Đình D điều khiển xe mô tô Exciter, biển kiểm soát 93C1 – 151.10 chở bị cáo Lê Quang A đi tìm nhà để trộm cắp tài sản, trên đường đi bị cáo Nguyễn Đình D nói với bị cáo Lê Quang A ý định trộm GCNQSDĐ để bán thì bị cáo Lê Quang A đồng ý. Khi đi ngang qua nhà vợ chồng bị hại ông Nguyễn Văn S và bà Cao Thị Tr tại ấp LB, xã TQ, huyện HQ có đề biển hiệu *"Quầy thuốc tây tư nhân AP"* đóng cửa nên bị cáo Nguyễn Đình D dừng xe lại trước cổng; lúc này có bà Cao Thị Th là chị gái ruột của bị hại Cao Thị Tr đi ngang qua tưởng các bị cáo Nguyễn Đình D và Lê Quang A đến mua thuốc nên nói cho các bị cáo biết bị hại ông Nguyễn Văn S đưa bị hại Cao Thị Tr đi sinh nên không có nhà. Nghe vậy, các bị cáo Nguyễn Đình D và Lê Quang A thống nhất chiều tối sẽ quay lại trộm cắp tài sản. Khoảng 18 giờ cùng ngày, bị cáo Nguyễn Đình D điều khiển xe mô tô Exciter nói trên và cầm theo 01 cây sắt dài khoảng 50cm, một đầu được đập dẹp (dạng xà beng) chở bị cáo Lê Quang A đi đến nhà các bị hại để trộm cắp tài sản. Đến nơi, các bị cáo Nguyễn Đình D và Lê Quang A giấu xe mô tô ở khu vực vườn cao su đối diện nhà các bị hại rồi đi đến dùng tay không và cây sắt đem theo cạy cổng sắt, rồi tiếp tục cạy cửa chính đột nhập vào bên trong nhà của các bị hại. Các bị cáo đi vào phòng ngủ lục tủ quần áo lấy 02 nhẫn cưới trơn bằng vàng 18K, trên nhẫn có đính đá, tổng trọng lượng 1,5 chỉ; 01 lắc đeo tay trẻ em loại mắt xích bằng vàng 18K, trọng lượng 1,3 chỉ; 01 dây chuyền trẻ em loại mắt xích bằng vàng 18K, trọng lượng 0,97 chỉ; 01 đôi bông tai trẻ em bằng vàng 18K, trọng lượng 0,4 chỉ; 01 đôi bông tai người lớn hình bông hoa 5 cánh, có đính đá, trọng lượng 01 chỉ. Bị cáo Nguyễn Đình D cầm toàn bộ số vàng trộm cắp được, rồi cùng bị cáo Lê Quang A tiếp tục ra khu vực phòng khách cạy cửa tủ tivi lấy 01 cái cặp, bên trong có đựng các giấy tờ gồm: GCNQSDĐ số CI 376948 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 15/8/2017 đối với Thửa đất số 433, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Ấp R 3, xã QM, huyện CT và GCNQSDĐ số CY299181 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 31/3/2021 đối với Thửa đất số 1674, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn TK, huyện HQ do các bị hại ông Nguyễn Văn S và bà Cao Thị Tr cùng đứng tên sử dụng đất; giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, sổ hộ khẩu, hình ảnh và một số giấy tờ tuỳ thân khác của các bị hại. Bị cáo Nguyễn Đình D cầm cặp đựng các giấy tờ trên rồi cùng bị cáo Lê Quang A đi ra khu vực quầy bán thuốc Tây cạy cửa lấy được số tiền 300.000 đồng. Sau đó, bị cáo Nguyễn Đình D điều khiển xe mô tô chở bị cáo Lê Quang A về nhà, rồi mang toàn bộ tài sản và

giấy tờ trộm cắp được về nhà bị cáo Nguyễn Đình D tại ấp SR, xã TB, huyện HQ cất giấu. Khoảng hai ngày sau bị cáo Nguyễn Đình D bán toàn bộ số vàng trên và chia cho bị cáo Lê Quang A 2.000.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo Nguyễn Đình D tiêu xài hết.

Sáng ngày 14/01/2022, bị cáo Nguyễn Đình D mang toàn bộ tài sản và giấy tờ trộm cắp được cùng bị cáo Lê Quang A ra kiểm tra và nói cho bị cáo Nguyễn Thị L biết. Sau khi kiểm tra xong, bị cáo Nguyễn Đình D bàn bạc với bị cáo Nguyễn Thị L về ý định làm giả giấy chứng minh nhân dân (CMND) của vợ chồng bị hại và tìm người đóng giả vợ chồng bị hại để đi thế chấp GCNQSDĐ sẽ vay được nhiều tiền thì bị cáo Nguyễn Thị L đồng ý. Thấy bị cáo Nguyễn Đình D gọi điện thoại cho nhiều người để tìm người đóng giả vợ chồng bị hại nhưng không tìm được nên bị cáo Nguyễn Thị L nói với bị cáo Nguyễn Tiến C *"Nguyễn Đình D nhờ em với anh làm việc này, xong việc Nguyễn Đình D cho tiền"* rồi bị cáo Nguyễn Thị L nói cho bị cáo Nguyễn Đình D về ý định nhờ bị cáo Nguyễn Tiến C đóng giả bị hại ông Nguyễn Văn S và bị cáo Nguyễn Thị L sẽ đóng giả bị hại Cao Thị Tr thì bị cáo Nguyễn Đình D đồng ý. Sau đó, các bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Đình D nói chuyện với Nguyễn Tiến C về việc đóng giả bị hại ông Nguyễn Văn S, nếu thế chấp được GCNQSDĐ thì sẽ trả cho bị cáo Nguyễn Tiến C số tiền 130.000.000 đồng thì bị cáo Nguyễn Tiến C đồng ý và bị cáo Nguyễn Đình D nói bị cáo Nguyễn Tiến C cung cấp 01 ảnh chân dung để làm giả giấy CMND của bị hại ông Nguyễn Văn S. Đồng thời, bị cáo Nguyễn Đình D gọi điện thoại hỏi và đến nhà chở bị cáo Lê Quang A đến khu phố 2, thị trấn TK, huyện HQ tìm vị trí thửa đất có GCNQSDĐ số CY299181, bị cáo Lê Quang A hỏi bị cáo Nguyễn Đình D *"Tìm vị trí thửa đất để làm gì?*" thì bị cáo Nguyễn Đình D trả lời *"Để chỉ cho người mua sổ"*, do bị cáo Lê Quang A không biết vị trí thửa đất có GCNQSDĐ số CY299181 trên nên bị cáo Nguyễn Đình D chở bị cáo Lê Quang A về nhà rồi quay lại tự đi tìm vị trí thửa đất có vị trí, diện tích tương tự rồi ghim vị trí trên bản đồ "Google map". Sau khi nhờ được bị cáo Nguyễn Tiến C đóng giả bị hại ông Nguyễn Văn S, dựa vào thông tin cá nhân của các bị hại ông Nguyễn Văn S Cao Thị Tr có trong GCNQSDĐ số CY299181 và ảnh chân dung của bị hại Cao Thị Tr có trong số giấy tờ trộm cắp được và ảnh chân dung của bị cáo Nguyễn Tiến C, các bị cáo Nguyễn Đình D, Nguyễn Thị L cùng lên mạng tìm địa chỉ làm giả giấy tờ để đặt làm 01 CMND giả có thông tin cá nhân của bị hại ông Nguyễn Văn S nhưng ảnh chân dung của bị cáo Nguyễn Tiến C và 01 CMND giả có thông tin cá nhân và hình ảnh của bị hại Cao Thị Tr. Ban đầu, bị cáo Nguyễn Thị L tìm được địa chỉ nhận làm giả giấy tờ nhanh hơn địa chỉ nhận làm giả giấy tờ mà bị cáo Nguyễn Đình D tìm được nên bị cáo Nguyễn Thị L đã đặt làm 02 CMND giả có thông tin như trên. Khoảng 2 - 3 ngày sau, bị cáo Nguyễn Thị L nhận được 02 CMND giả nhưng phát hiện bị sai thông tin. Sau đó, bị cáo Nguyễn Thị L liên hệ với địa chỉ làm giấy tờ giả trước đó để đặt lai nhưng không được nên bị cáo Nguyễn Đình D liên hệ lại với địa chỉ nhận làm giả giấy tờ mà bị cáo Nguyễn Đình D liên hệ trước đó để bị cáo Nguyễn Đình D đặt 02 CMND giả, khoảng 5 – 6 ngày sau bị cáo Nguyễn Thị L nhận được 02 CMND giả. Đồng thời trong thời gian đặt làm giả CMND, ngày 20/01/2022, bị cáo Nguyễn Đình D điều khiển xe mô tô Sirius, biển số kiểm soát 93C1 – 130.43 chở bị cáo Nguyễn Tiến C đi về hướng huyện LN tìm nơi nhận thế chấp GCNQSDĐ; khi đi đến khu phố NT, thị trấn LN nhìn thấy tiệm vàng ND nhận cầm cố tài sản nên bị

cáo Nguyễn Đình D liên lạc với số điện thoại trên biển hiệu thì gặp bà Trần Ngọc D là chủ tiệm vàng ND, Dũng hỏi có nhận thế chấp GCNQSDĐ không thì được bà Trần Ngọc D cho số điện thoại 0916.604.690 của con gái bà Trần Ngọc D là bị hại bà Nguyễn Thị Bích V cư trú tại số 9C, đường NTL, phường 7, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh để liên hệ. Sau khi có số điện thoại của bị hại bà Nguyễn Thị Bích V, bị cáo Nguyễn Đình D mua 01 sim điện thoại đưa cho bị cáo Nguyễn Thị L mạo danh bị hại Cao Thị Tr liên lạc với bị hại bà Nguyễn Thị Bích V trao đổi về việc cần thế chấp GCNQSDĐ số CY299181 để vay tiền; bị hại bà Nguyễn Thị Bích V yêu cầu gửi hình ảnh GCNQSDĐ qua Zalo. Sau đó, các bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Đình D lập tài khoản Zalo tên "KT" để kết bạn, gửi hình ảnh GCNQSDĐ số CY299181 cùng vị trí thửa đất cho bị hại bà Nguyễn Thị Bích V. Sau khi xem hình ảnh GCNQSDĐ, bị hại bà Nguyễn Thị Bích V hẹn sáng ngày 22/01/2022 đi xem đất mới đưa ra số tiền cho vay. Sáng ngày 22/01/2022, bị hại bà Nguyễn Thị Bích V đi cùng ông Nguyễn Bá H cư trú tại số 9C, đường NTL, phường 7, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh và ông Bùi Thanh T cư trú tại khu phố NT, thị trấn LN, huyện LN đến thị trấn TK để xem đất thì được bị cáo Nguyễn Thị L giới thiệu bị cáo Nguyễn Đình D sẽ dẫn bị hại bà Nguyễn Thị Bích V đi xem đất. Bị cáo Nguyễn Đình D đưa bị hại bà Nguyễn Thị Bích V cùng ông Nguyễn Bà H và ông Nguyễn Thành T đến vị trí thửa đất có đặc điểm tương tự mà bị cáo Nguyễn Đình D tìm trước đó. Xem đất xong, bị hại bà Nguyễn Thị Bích V trao đổi, nói chuyện và nhắn tin với bị cáo Nguyễn Thị L qua Zalo và thống nhất đồng ý cho vay số tiền 1.300.000.000 đồng, lãi suất 03%/tháng (tức 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày) với điều kiện phải ký hợp đồng chuyển nhượng để đảm bảo việc cho vay thì các bị cáo Nguyễn Đình D và Loan đồng ý. Đồng thời, bị cáo Nguyễn Thị L tiếp tục đưa thông tin còn 01 thửa đất ở xã QM, huyện CT, nay là thị xã CT (GCNQSDĐ số CI 376948) để vay thêm tiền nhưng do đất ở cách xa thị trấn LN nên bị hại bà Nguyễn Thị Bích V không nhận thế chấp. Bị hại bà Nguyễn Thị Bích V hẹn ngày 24/01/2022 đến Văn phòng công chứng LHL (VPCC) tại khu phố NT, thị trấn LN, huyện LN để ký hợp đồng chuyển nhượng, đồng thời bà Nguyễn Thị Bích V yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị L gửi hình ảnh CMND, sổ hộ khẩu và giấy đăng ký kết hôn để VPCC soạn thảo trước hợp đồng.

Sáng ngày 24/01/2022, bị cáo Nguyễn Đình D thuê 01 xe ô tô chở các bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Tiến C đến VPCC LHL, còn bị cáo Nguyễn Đình D một mình đi theo bằng xe mô tô. Khi đến VPCC, bị cáo Nguyễn Thị L đưa cho bị cáo Nguyễn Tiến C CMND giả ghi tên Nguyễn Văn S rồi ngồi chờ phía trước VPCC. Khi bị hại bà Nguyễn Thị Bích V đến, bị cáo Nguyễn Thị L đi vào VPCC đưa GCNQSDĐ số CY299181, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn và CMND giả ghi tên bị hại bà Cao Thị Tr cho nhân viên VPCC đối chiếu, kiểm tra, rồi đến bị cáo Nguyễn Tiến C đi vào VPCC đưa CMND ghi tên bị hại ông Nguyễn Văn S cho nhân viên VPCC đối chiếu, kiểm tra. Quá trình soạn thảo hợp đồng, kiểm tra, đối chiếu giấy tờ ông Trà Thanh K là nhân viên VPCC và ông Trần Gia T là Công chứng viên không phát hiện CMND của các bị hại ông Nguyễn Văn S và bà Cao Thị Tr mà các bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Tiến C đưa là giả nên cho các bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Tiến C ký, lăn tay vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bị hại bà Nguyễn Thị Bích V. Sau khi ký xong hợp đồng chuyển nhượng, bị cáo Nguyễn Thị L ra xe ô tô đi đến tiệm vàng ND để lấy

tiền, bị cáo Nguyễn Đình D điều khiển xe mô tô chỉ đường, bị cáo Nguyễn Tiến C ở lại VPCC chờ lấy hợp đồng chuyển nhượng và các giấy tờ liên quan rồi bắt xe ôm đi về thị xã BL. Sau khi chỉ tiệm vàng ND cho bị cáo Nguyễn Thị L xong, bị cáo Nguyễn Đình D điều khiển xe mô tô về thị xã BL gặp bị cáo Nguyễn Tiến C và cùng chờ bị cáo Nguyễn Thị L. Tại tiệm vàng ND, bà Trần Ngọc D trực tiếp đưa số tiền 1.300.000.000 đồng cho bị cáo Nguyễn Thị L. Sau khi nhận đủ số tiền 1.300.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thị L ra xe ô tô đi về khu vực Mũi Tàu – thị xã BL gặp các bị cáo Nguyễn Đình D và Công. Bị cáo Loan trả tiền thuê xe ô tô hết 2.500.000 đồng và đưa cho bị cáo Nguyễn Tiến C 130.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Tiến C đưa lại cho bị cáo Nguyễn Thị L 30.000.000 đồng nhờ bị cáo Nguyễn Thị L đưa cho bà Lê Thị L là mẹ ruột của bị cáo Nguyễn Tiến C, rồi bị cáo Nguyễn Tiến C thuê xe ô tô đi thành phố Hồ Chí Minh tiêu xài hết số tiền 100.000.000 đồng, còn bị cáo Nguyễn Đình D điều khiển xe mô tô chở bị cáo Nguyễn Thị L về nhà. Các bị cáo Nguyễn Đình D và Loan chia cho bị cáo Lê Quang A số tiền 60.000.000 đồng, còn lại 1.110.000.000 đồng các bị cáo Nguyễn Đình D, Nguyễn Thị L trả nợ và tiêu xài hết. Đến ngày 26/01/2022, bị cáo Nguyễn Thị L bị Công an huyện DT, tỉnh Bình Dương bắt tạm giam về hành vi trộm cắp tài sản xảy ra ngày 07/3/2021 tại huyện DT.

- Về việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu:

+ Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện HQ đã thu giữ được GCNQSDĐ số CV199181 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 31/3/2021 đối với thửa đất số 1674, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: khu phố 2, thị trấn TK, huyện HQ và 02 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 478 do VPCC LHL công chứng ngày 24/01/2022. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện HQ đang quản lý GCNQSDĐ số CY199181 và 02 bản Hợp đồng 478 trên để phục vụ công tác xác minh xử lý đối với hành vi thiếu trách nhiệm của cán bộ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện HQ trong việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho bị hại bà Nguyễn Thị Bích V

+ Đối với những tài sản mà các bị cáo Nguyễn Đình D, Lê Quang A trộm cắp, bị cáo Nguyễn Đình D khai đã bán tại tiệm vàng KL tại địa chỉ phường AL, thị xã BL lấy tiền chia cho bị cáo Lê Quang A. Qua xác minh tại tiệm vàng KL được biết, hàng ngày số vùng thu mua được sẽ nấu chảy nên không thu hồi được.

+ Đối với GCNQSDĐ Số CL 376948 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 15/8 2017 đối với thửa đất số 435, tờ bản đồ số 05, địa chỉ: ấp R 3, xã Quảng M, huyện CT cùng với một số giấy tờ, tài liệu khác của các bị hại ông Nguyễn Văn S bà Cao Thị Tr và 02 CMND giả, bị cáo Nguyễn Đình D đã đốt tiêu huỷ nên không thu giữ được.

+ Đối với số tiền các bị cáo Nguyễn Đình D, Nguyễn Thị L, Nguyễn Tiến C, Lê Quang A chiếm đoạt được của bị hại bà Nguyễn Thị Bích V, các bị cáo đã trả nợ và tiêu xài cá nhân hết nên không thu hồi được.

+ Đối với xe mô tô Exciter, biển số kiểm soát 93C – 15110 bị cáo Nguyễn Đình D sử dụng làm phương tiện để đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là xe mô tô bị cáo Nguyễn Thị L mượn của ông Nguyễn Tất H, sinh năm 1987, HKTT: Khu

phố 6, thị trấn TK, huyện HQ (anh ruột của bị cáo Nguyễn Thị L, hiện đang chấp hành án phạt tù về tội trộm cắp tài sản tại Trại giam Bến Lớn, tỉnh Bình Dương); xe mô tô Sirius, biển số kiểm soát 93C1 13043 bị cáo Nguyễn Đình D sử dụng làm phương tiện để đi thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là xe mô tô bị cáo Nguyễn Đình D mượn của ông Mai Xuân D, sinh năm 1986, HKTT: Khu phố 1, thị trấn TK, huyện HQ (anh rể của bị cáo Nguyễn Đình D) để làm phương tiện đi lại, chủ sở hữu không biết bị cáo Nguyễn Đình D sử dụng vào mục đích phạm tội nên không tiến hành thu giữ.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐĐGTTTHS ngày 05/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện HQ kết luận: 5,17 chỉ vàng 18K tại thời điểm bị trộm cắp tài sản, có giá trị là 17.061.000 đồng.

- Tại Bản kết luận giám định số 25/2022/KL(ĐV)-KTHS ngày 26/9/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước xác định: 03 dấu vết đường vân tại mục chữ ký ghi tên Nguyễn Văn S, Cao Thị Tr in trên trang thứ 3, trong "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" số 478 do VPCC LHL công chứng ngày 24/01/2022 không phải là dấu vân tay của bị hại ông Nguyễn Văn S; không phải dấu vân tay của bị hại bà Cao Thị Tr; không phải dấu vân tay của bị cáo Nguyễn Đình D.

- Tại Bản kết luận giám định số 27/2022/KL(ĐV)-KTHS ngày 17/10/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước xác định: 02 dấu vết đường vân tại mục chữ ký ghi tên bị hại ông Nguyễn Văn S in trên trang thứ 3, trong "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" số 478 do VPCC LHL công chứng ngày 24/01/2022 là dấu vân tay ngón "Trỏ trái", "Trỏ phải" của bị cáo Nguyễn Tiến C; 01 dấu vết đường vân tại mục chữ ký ghi tên bị hại bà Cao Thị Tr in trên trang thứ 3, trong "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" số 478 do VPCC LHL công chứng ngày 24/01/2022 là dấu vân tay ngón "Trỏ phải" của bị cáo Nguyễn Thị L.

- Quá trình điều tra xác định nhân viên và Công chứng viên VPCC LHL đã chủ quan trong việc kiểm tra, đối chiếu các giấy tờ liên quan dẫn đến không phát hiện các đối tượng sử dụng CMND giả mạo danh các bị hại ông Nguyễn Văn S và bà Cao Thị Tr ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bị hại bà Nguyễn Thị Bích V. Tuy nhiên, Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu thập được tài liệu chứng minh có vai trò đồng phạm giúp sức trong việc công chứng hợp đồng chuyển nhượng; đồng thời ngay sau khi phát hiện, VPCC LHL đã có văn bản đề nghị các cơ quan có thẩm quyền dừng việc đăng ký chuyển nhượng quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản và cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 1674. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh không có cơ sở xem xét xử lý trách nhiệm đối với VPCC LHL.

- Đối với việc Văn phòng đăng ký đất đai huyện HQ xác nhận biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trang 4 cho bị hại bà Nguyễn Thị Bích V: Quá trình điều tra xác định ngày 25/02/2022, VPCC LHL đã có văn bản đề nghị các cơ quan có thẩm quyền dừng việc đăng ký chuyển nhượng quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản và cấp GCNQSDĐ. Bộ phận một cửa và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện HQ đã nhận được văn bản

nhưng sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký biến động của bị hại bà Nguyễn Thị Bích V đã thẩm định hồ sơ và xác nhận trang 4 chuyển nhượng cho bị hại bà Nguyễn Thị Bích V. Về nội dung này, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện HQ đã tách vụ việc ra để tiếp tục xác minh điều tra làm rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh không đề cập đến việc xử lý nội dung này.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2023/HS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã quyết định:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình D phạm 03 tội: Tội trộm cắp tài sản, tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; bị cáo Nguyễn Thị L phạm 02 tội: Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; bị cáo Nguyễn Tiến C phạm 02 tội: Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; bị cáo Lê Quang A phạm 02 tội: Tội trộm cắp tài sản và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

2.1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, c khoản 3 Điều 341; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các điều 17, 38, 50, 53, 55, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình D 01 (một) năm tù về tội trộm cắp tài sản, 13 (mười ba) năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, 03 (ba) năm tù về tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, tổng hợp hình phạt của cả ba tội, buộc bị cáo Nguyễn Đình D phải chấp hành hình phạt chung là 17 (mười bảy) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 31/8/2022.

2.2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, c khoản 3 Điều 341; các điểm n, s khoản 1 Điều 51; các điều 38, 50, 55, 56, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 12 (mười hai) năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, 03 (ba) năm tù về tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, tổng hợp hình phạt của cả hai tội nêu trên và tổng hợp hình phạt của Bản án số 30/HSPT ngày 08/3/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương, buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải chấp hành hình phạt chung là 17 (mười bảy) năm 08 (tám) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 26/01/2022 đến ngày 05/4/2022.

2.3. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, c khoản 3 Điều 341; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; các điều 17, 38, 50, 55, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến C 11 (mười một) năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, 06 (sáu) tháng tù về tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Tiến C phải chấp hành hình phạt chung là 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 11/10/2022.

2.4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; các điều 17, 38, 50, 55, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Lê Quang A 06 (sáu) tháng tù về tội trộm cắp tài sản, 03 (ba) năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo Lê Quang A phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 31/8/2022.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Căn cứ các điều 46, 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015,

Buộc bị cáo Nguyễn Đình D phải bồi thường thiệt hại cho bị hại bà Nguyễn Thị Bích V số tiền 555.000.000 đồng;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Lphải bồi thường thiệt hại cho bị hại bà Nguyễn Thị Bích V số tiền 555.000.000 đồng;

Buộc bị cáo Nguyễn Tiến C phải bồi thường thiệt hại cho bị hại bà Nguyễn Thị Bích V số tiền 130.000.000 đồng, trong đó người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L là mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Tiến C phải có trách nhiệm trực tiếp trả lại số tiền 27.000.000 đồng cho bị hại bà Nguyễn Thị Bích V, còn lại 103.000.000 đồng thì bị cáo Nguyễn Tiến C phải có trách nhiệm trực tiếp trả cho bị hại bà Nguyễn Thị Bích V.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 10/10/2023, người bị hại Nguyễn Thị Bích V kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần liên đới bồi thường thiệt hại. Do Văn phòng công chứng LHL thiếu trách nhiệm nên phải có có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Bích V vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Xác định lại hành vi của các bị cáo khi thực hiện công chứng có thực sự tinh vi không; xác định trách nhiệm liên đối bồi thường của Văn phòng công chứng LHL đối với toàn bộ thiệt hại của bà.

- Đại diện Văn phòng công chứng LHL trình bày: Công chứng viên Văn phòng công chứng LHL đã chủ quan trong việc kiểm tra, đối chiếu các giấy tờ liên quan nên không phát hiện được hành vi gian đối, sử dụng giấy tờ tài liệu giả của các bị cáo. Tuy nhiên, Công chứng viên và nhân viên Văn phòng công chứng LHL đã làm đúng đầy đủ các trình tự, thủ tục để ký công chứng bảo đảm vô tư, khách quan, đúng pháp luật. Mặt khác, khi yêu cầu công chứng có sự tham gia của bà Nguyễn Thị Bích V (là bị hại trong vụ án) đi cùng với bị cáo. Vì vậy, Văn phòng công chứng LHL không đồng ý với kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị Bích V.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau:

Việc thực hiện quy định pháp luật tố tụng hình sự của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng được đảm bảo. Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích V đúng về hình thức, trong hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo:

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định Văn phòng công chứng LHL không đồng phạm với bị cáo về tội "Sử dụng, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là có căn cứ, đúng pháp luật. Người bị hại Nguyễn Thị Bích V kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị Bích V và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích V đảm bảo đúng hình thức và trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích V:

Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát cấp sơ thẩm đều xác định nhân viên và Công chứng viên Văn phòng công chứng LHL đã chủ quan, thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra, đối chiếu các giấy tờ liên quan dẫn đến không phát hiện các bị cáo sử dụng chứng minh nhân dân giả, mạo danh các bị hại. Tuy nhiên, cơ quan cảnh sát điều tra không thu thập được tài liệu, chứng cứ chứng minh có vai trò đồng phạm, giúp sức trong việc công chứng. Mặt khác, khi yêu cầu công chứng có sự tham gia của bà Nguyễn Thị Bích V nhưng bà Nguyễn Thị Bích V cũng không phát hiện được sự gian dối và việc sử dụng giấy tờ, tài liệu giả của các bị cáo. Sau khi phát hiện được hành vi vi phạm của các bị cáo, Văn phòng công chứng LHL đã có văn bản đề nghị các cơ quan có thẩm quyền dừng việc đăng ký chuyển nhượng quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1674. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Phước không có cơ sở xem xét xử lý trách nhiệm đối với Văn phòng công chứng LHL là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị Bích V. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị hại Nguyễn Thị Bích V phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích V, giữ nguyên bản án sơ thẩm 52/2023/HS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình D phạm 03 tội: Tội trộm cắ`p tài sản, tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; bị cáo Nguyễn Thị Lphạm 02 tội: Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; bị cáo Nguyễn Tiến C phạm 02 tội: Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; bị cáo Lê Quang A phạm 02 tội: Tội trộm cắp tài sản và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2.1. Áp dụng vào khoản 1 Điều 173; điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, c khoản 3 Điều 341; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các điều 17, 38, 50, 53, 55, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình D 01 (một) năm tù về tội trộm cắp tài sản, 13 (mười ba) năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, 03 (ba) năm tù về tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, tổng hợp hình phạt của cả ba tội, buộc bị cáo Nguyễn Đình D phải chấp hành hình phạt chung là 17 (mười bảy) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 31/8/2022.

2.2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, c khoản 3 Điều 341; các điểm n, s khoản 1 Điều 51; các điều 38, 50, 55, 56, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 12 (mười hai) năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, 03 (ba) năm tù về tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, tổng hợp hình phạt của cả hai tội nêu trên và tổng hợp hình phạt của Bản án số 30/HSPT ngày 08/3/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương, buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải chấp hành hình phạt chung là 17 (mười bảy) năm 08 (tám) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 26/01/2022 đến ngày 05/4/2022.

2.3. Áp dụng vào điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, c khoản 3 Điều 341; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; các điều 17, 38, 50, 55, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến C 11 (mười một) năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, 06 (sáu) tháng tù về tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Tiến C phải chấp hành hình phạt chung là 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 11/10/2022.

2.4. Áp dụng vào khoản 1 Điều 173; điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; các điều 17, 38, 50, 55, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Lê Quang A 06 (sáu) tháng tù về tội trộm cắp tài sản, 03 (ba) năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo Lê Quang A phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 31/8/2022.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Căn cứ các điều 46, 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015,

Buộc bị cáo Nguyễn Đình D phải bồi thường thiệt hại cho bị hại bà Nguyễn Thị Bích V số tiền 555.000.000 đồng;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Lphải bồi thường thiệt hại cho bị hại bà Nguyễn Thị Bích V số tiền 555.000.000 đồng;

Buộc bị cáo Nguyễn Tiến C phải bồi thường thiệt hại cho bị hại bà Nguyễn Thị Bích V số tiền 130.000.000 đồng, trong đó người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L là mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Tiến C phải có trách nhiệm trực tiếp trả lại số tiền 27.000.000 đồng cho bị hại bà Nguyễn Thị Bích V, còn lại 103.000.000 đồng thì bị cáo Nguyễn Tiến C phải có trách nhiệm trực tiếp trả cho bị hại bà Nguyễn Thị Bích V.

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Bích V phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước;
- Bị cáo (Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Phước tống đạt cho bị cáo;
- Nhưng người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án, PQH.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Đức Thọ